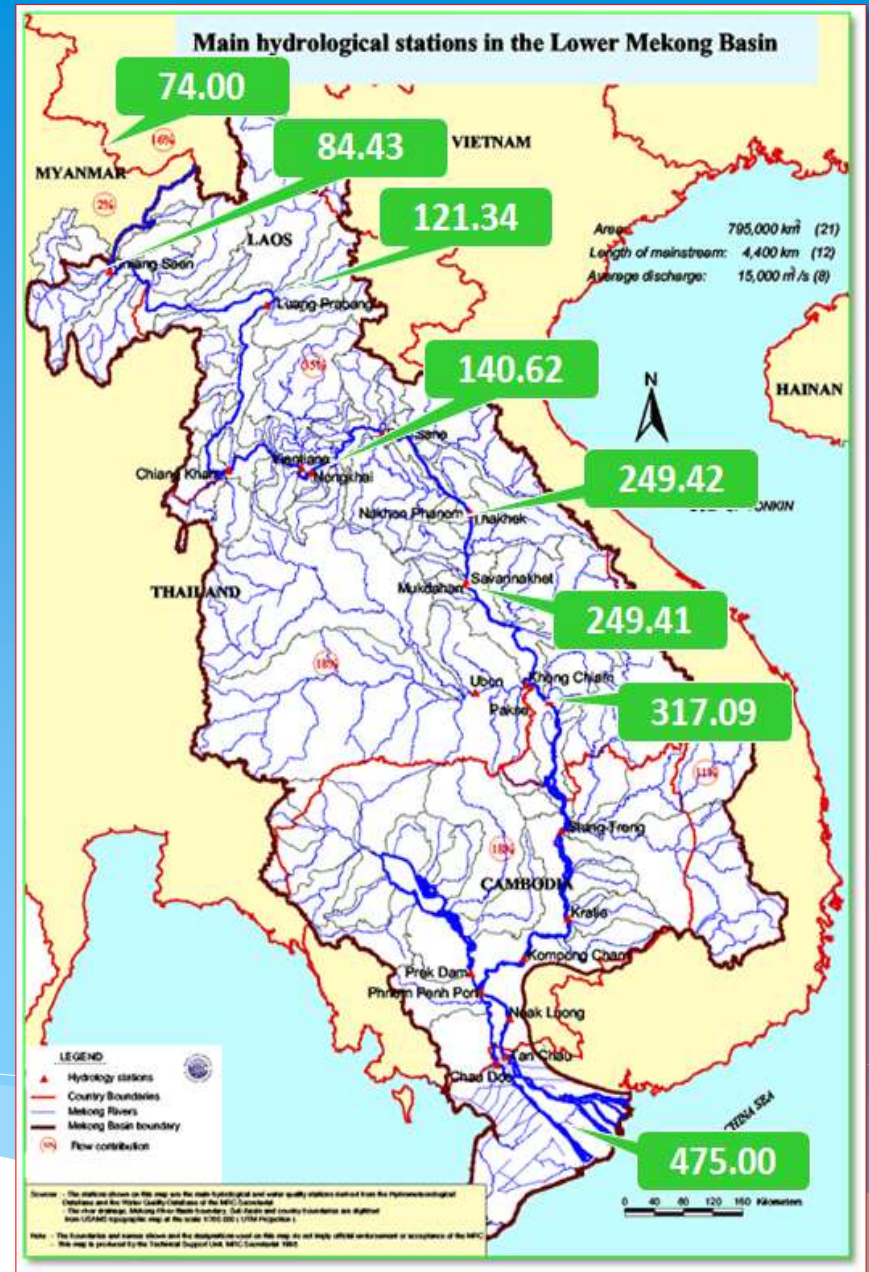


SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN THUYẾT ĐIỆN LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG

Nguyễn Nhân Quảng

Phân bố dòng chảy trong lưu vực sông Mê Công

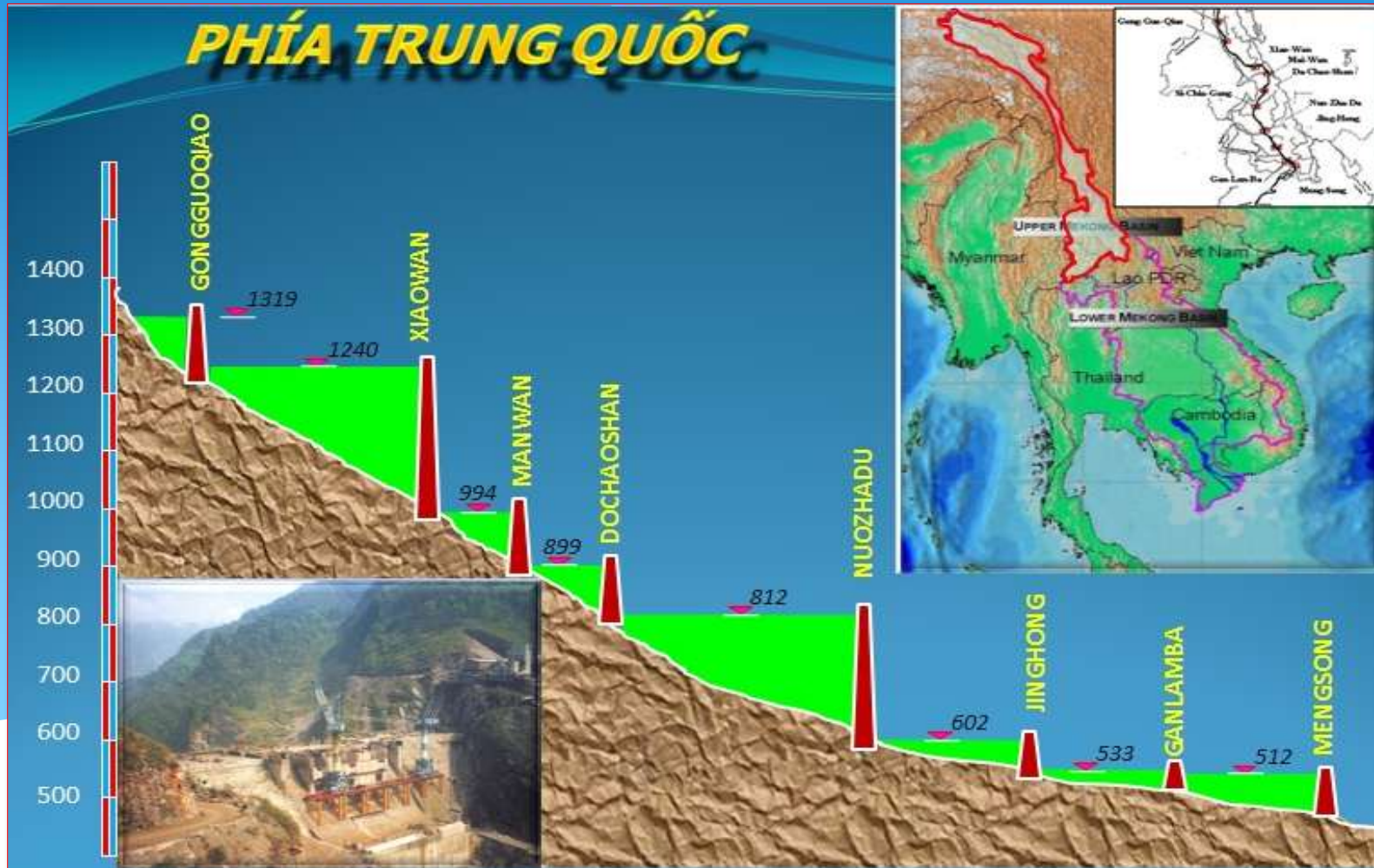
| Vị trí | Tổng lượng dòng chảy (Tỷ m3) |
|---------------|------------------------------|
| Cảnh Hồng | 74 |
| Chiềng Sẻn | 84.43 |
| Luang Prabang | 121.34 |
| Nongkhai | 140,62 |
| Nakhon Phanom | 249.42 |
| Mukdahan | 249.41 |
| Pakse | 317.09 |
| Cửa biển | 475.00 |



Tiềm năng thủy điện

| Khu vực | Công suất lắp (MW) |
|--------------------------------------|--------------------|
| Thượng Lưu vực (LanCang -Trung Quốc) | 23.000 |
| Hạ lưu vực: | 30.900 |
| Trong đó: - Trên dòng chính | 13.000 |
| - Trên các dòng nhánh | 17.900 |

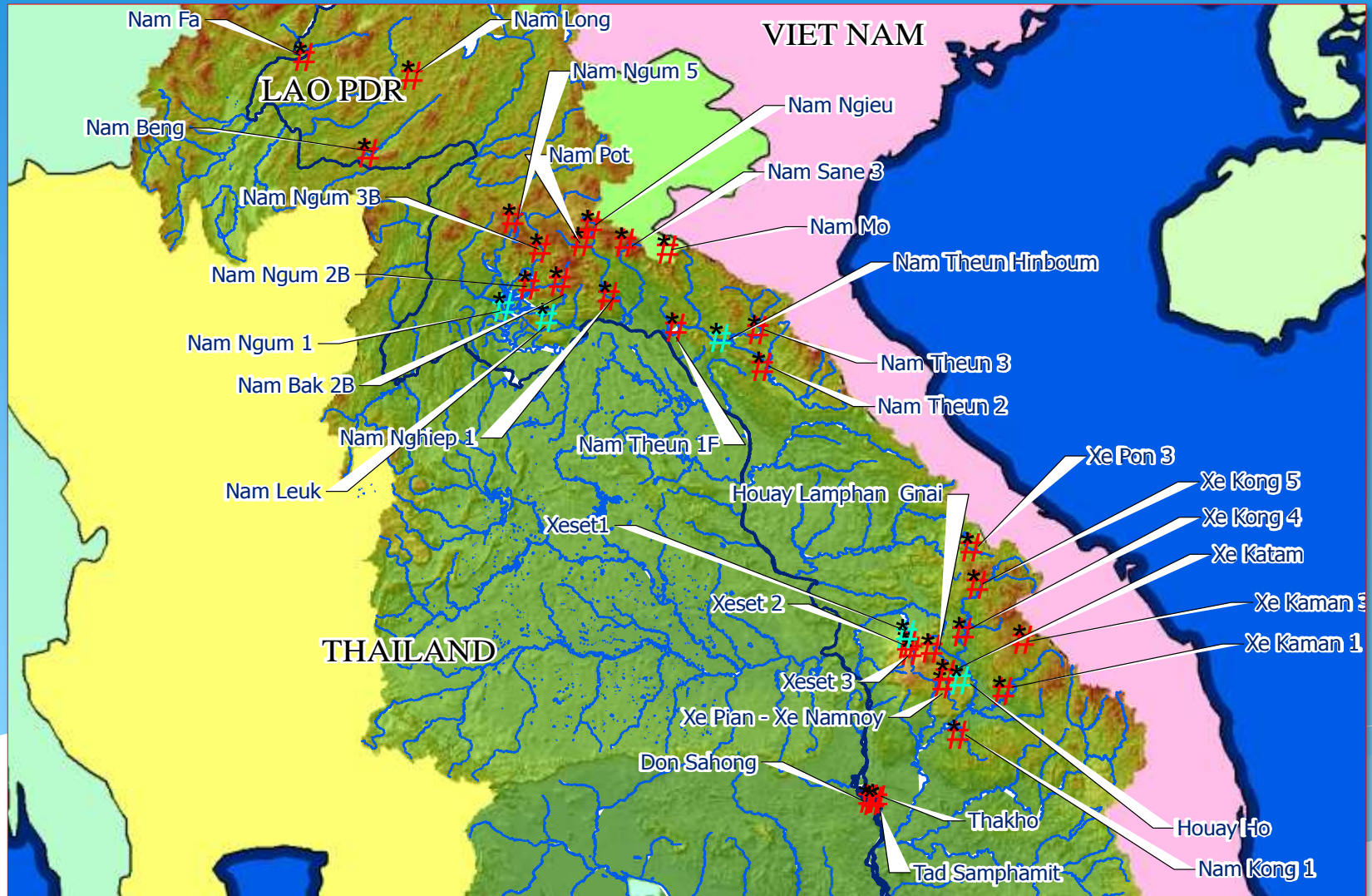
Các dự án thủy điện trên sông Lan Xang (Trung Quốc)



Các dự án thủy điện hiện có của Thái Lan

| Tên công trình | Địa Điểm | Trên sông | W_{ho} ($10^6 \cdot m^3$) | W_{hi} ($10^6 \cdot m^3$) | Công suất lắp (MW) |
|----------------|----------|--------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------|
| Chulabhorn | Thái | Nam Phrom | 188 | 144,5 | 40 |
| Huai Kum | Thái | Nam Phrom | 22,8 | 20 | 1,3 |
| Nam Pung | Thái | Nam Pung | 165,5 | 156,8 | 6,3 |
| Pak Mun | Thái | Mun | 225 | 125 | 136 |
| Sirindhorn | Thái | Lam Dom Noi | 1.966 | 1.135 | 36 |
| Ubol Ratana | Thái | Nam Pong | 2.263 | 1.695 | 25,2 |
| Lam Ta Khong | Thái | Lam Ta Khong | 310 | 290 | 500 |

Các dự án thủy điện của Lào



Danh sách các dự án thủy điện của Lào (xem trang 6 – 8 báo cáo)

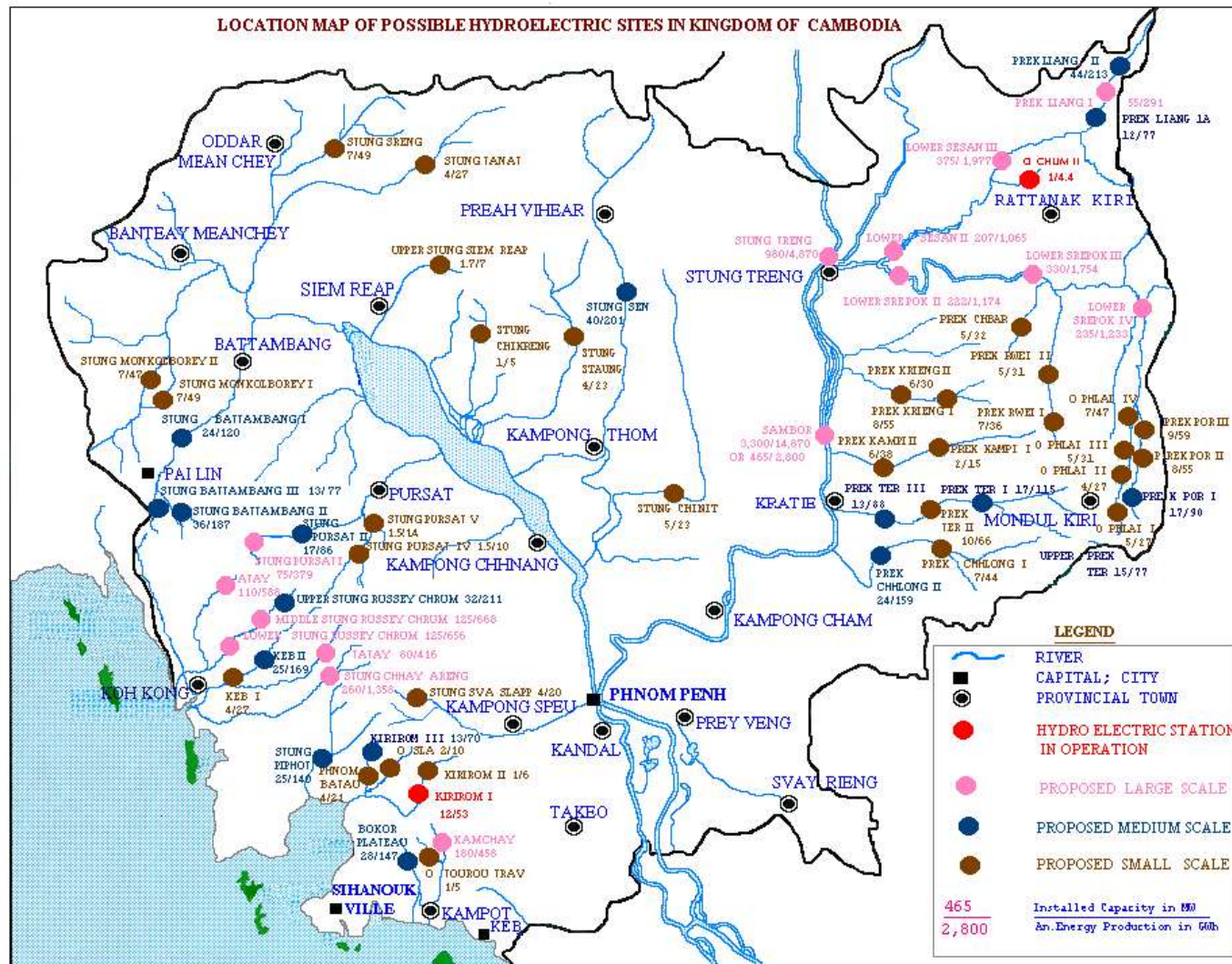
| Tên công trình | Công suất lắp máy P _{lm} (MW) | Diện tích lưu vực (km ²) | Dung tích hồ W _h (m ³ .m) | Dung tích hữu ích W _h (m ³ .m) | Năm vận hành |
|----------------------|---|--------------------------------------|---|---|--------------|
| Selabom | 5 | | | | 1969 |
| Nam Ngum 1 | 155 | | 7.000 | 4.790 | 1971 |
| Xeset 1 | 45 | | 9,33 | 0 | 1994 |
| Theuan Hinboun | 210 | 4.013 | 30,00 | 0 | 1998 |
| Houay Ho | 190 | | 809 | 500 | 1999 |
| Nam Loek | 60 | | | 829,3 | 2000 |
| Nam Kongs 2 | 40 | | 59 | 0 | 2004 |
| Nam Theuan 2 | 1.080 | 4.013 | 3.680 | 3.330 | 2009 |
| Xeset 3 | 76 | 325 | 9,37 | 9,33 | 2010 |
| Houay Lamphan - Gnal | 60 | 140 | 480 | 362 | 2015 |
| Nam Bak 2B | 112 | 326 | 185 | 119 | 2015 |
| Nam Beng | 33 | 1.908 | 101 | 97,9 | 2010 |
| Nam Chian 1A | 62 | 271 | 126,5 | 113,9 | |
| Nam Fai (Pha) | 80 | | | 4,78 | |
| Nam Hinboun 2 | 13 | 39,7 | 27,1 | 25,6 | |
| Nam Khan 2 | 145 | 5.221 | 1.217 | 528 | |
| Nam Khan 3 | 59 | 3.391 | 3.248,5 | 892,6 | |
| Nam Kong 1 | 190 | 82,6 | 207 | 271 | 2020 |
| Nam Kong 2 | 80 | 1.304 | 466,2 | 199,6 | |
| Nam Kong 3 | 25 | 860 | 314,3 | 298,6 | |
| Nam Lik | 100 | 2.059 | 1.099 | 829,3 | 2015 |
| Nam Long | 11,93 | | 0,37 | | 2015 |
| Nam Mang 1A | 51 | 577 | 73,8 | 551 | |
| Nam Ming | 8 | 1002 | 79,2 | 58,6 | |
| Nam Ngep 1 | 232 | 3700 | 2.350 | 1.990 | 2015 |
| Nam Ngep 2 | 16 | 3700 | 8 | | 2010 |
| Nam Ngep 3 | 39,3 | 308,9 | 21,21 | | |
| Nam Ngum 2 | 615 | 5.640 | 3.630 | 2.022 | 2010 |
| Nam Ngum 3 | 460 | 3.899 | 1.320 | 953 | 2010 |
| Nam Ngum 4A | 54 | 1.725 | 443 | 324,3 | 2020 |
| Nam Ngum 4B | 54 | 1.818 | 3,1 | 1,7 | 2020 |
| Nam Ngum 5 | 100 | 495 | 318 | 232 | 2015 |
| Nam Ou | 630 | 11.260 | 19.839 | 5.493 | 2020 |
| Nam Pot | 20 | 59,6 | 52,08 | 44,07 | 2020 |
| Nam Sane 2 | 60 | 1.429 | 3.109,5 | 1.946,4 | |
| Nam Sane 3A | 30 | 139 | 37,6 | 27,6 | 2020 |
| Nam Sane 3B | 38 | 252 | 18,7 | 11,2 | |
| Nam Suang 1 | 39 | 5.725 | 199,6 | 81,6 | |
| Nam Suang 2 | 194 | 5.995 | 3.926 | 2.016 | |
| Nam Tha 1 | 272 | 7.630 | 3.988 | 2.395 | 2020 |
| Nam Theuan 1 | 424 | 14.070 | 3.744 | 2.826,8 | 2015 |
| Nam Theuan 3 | 100 | 2.282 | 4.960 | 4.960 | 2011 |
| Tad Samphanit | 56 | | 16,89 | 7,97 | |
| Thakho | 30 | | 16,89 | 4,11 | |
| Xe Bangheng | 16 | 669 | 1.003 | 643 | |
| Xe Bangsouan | 18 | 474 | 1.707 | 1.477 | |
| Xe Kham 1 | 468 | 3.800 | 17.400 | 7.220 | 2015 |
| Xe Kham 2 | 250 | 712 | 76,4 | 76 | 2010 |
| Xe Kham | 57 | 1.059 | 15 | 0,3 | 2015 |
| Xe Kong 4 | 495 | 5.279 | 9.300 | 2.210 | 2015 |
| Xe Kong 5 | 495 | 2.615 | 4.780 | 4.690 | 2015 |
| Xe Lanong 1 | 30 | 1.415 | 456 | 374 | |
| Xe Lanong 2 | 20 | 339 | 95,19 | 79,19 | |
| Xe Nam Noy 5 | 10 | 60,2 | 10,9 | 8,8 | |
| Xe Pan / Xe Namoy | 390 | | 979 | 919 | 2015 |
| Xe Pan 3 | 75 | 464 | 406 | 361 | 2010 |
| Xe Sou | 65 | 1.273 | 2.671 | 1.714 | |
| Xeset 3 | 16 | | 4,18 | | 2020 |

Lào có tiềm năng thủy điện với 26.500 MW công suất lắp. Hiện có 16 nhà máy thủy điện đang hoạt động, trong đó 9 nhà máy thuộc EDL, số còn lại thuộc IPP

Tiêu thụ điện năng:

- - Chỉ một phần giữ lại phục vụ nhu cầu trong nước,
- - Còn bán cho: Thái Lan (1.500 MW từ 2006) và Việt Nam (1.500 đến 2.000 MW từ 2010).

Các dự án thủy điện của Campuchia



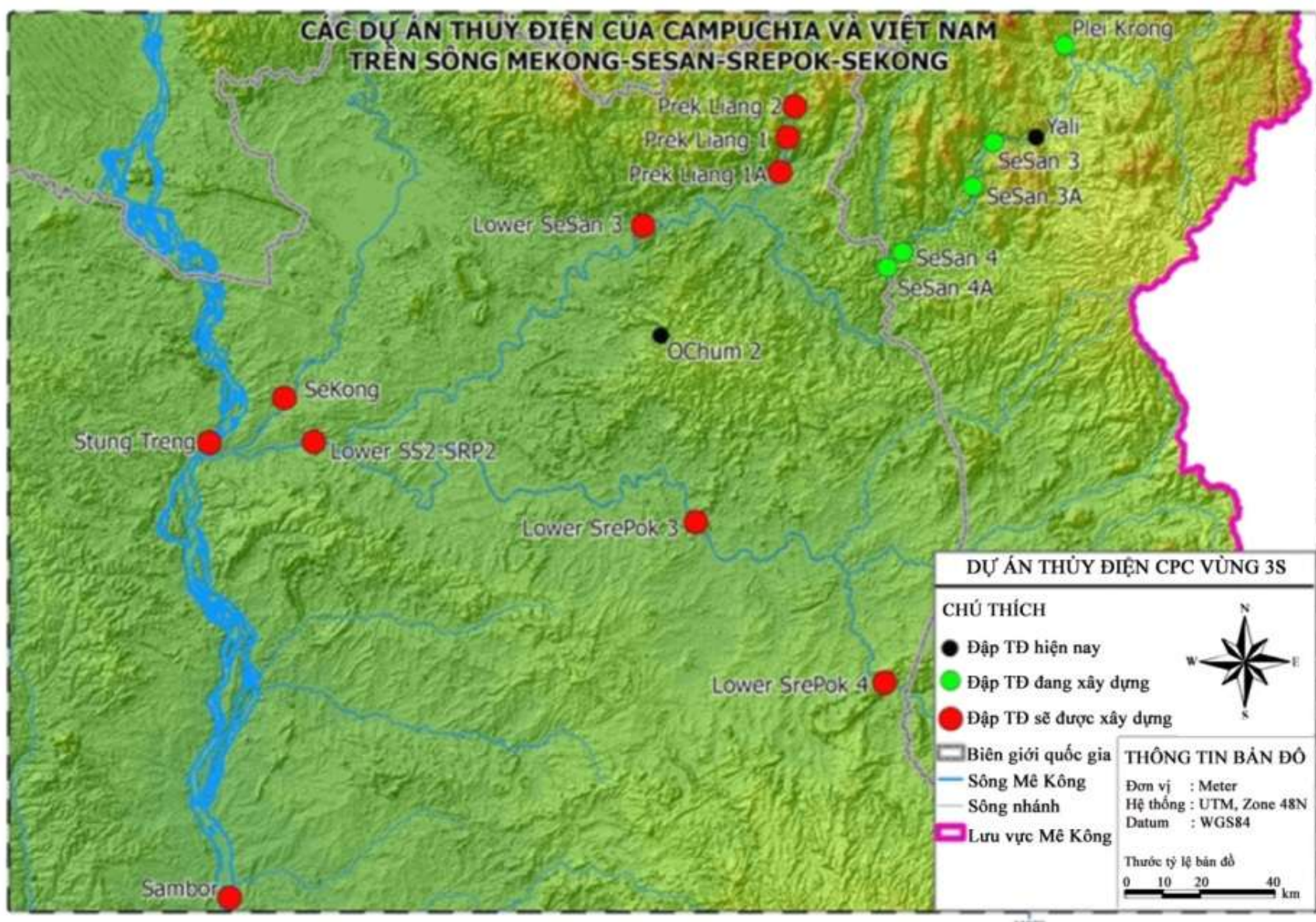
Danh sách các dự án thủy điện hiện có và đang xây dựng

| No. | Tên dự án | Công suất lắp (MW)/Điện lượng (GWh) | Kinh phí dự kiến (10 ⁶ US\$) | Năm vận hành/loại dự án | Công ty/quốc gia |
|--|----------------------|-------------------------------------|---|-------------------------|--|
| Dự án hiện có | | | | | |
| 1 | Kirirom I | 13/70 | 29 | 2002/BOT | CETIC Trung Quốc |
| 2 | O'Chum | 1/3 | N/A | 1993 | EDC, Cambodia |
| 3 | O'Romis-O'Mleng | 0.31 | N/A | 2009-GA | J-Power, Nhật Bản |
| 4 | Kamchay | 193.2/498 | 280 | 2011/BOT | Sinohydro, Trung Quốc |
| 5 | Kirirom III | 18/73 | 46.5 | 2012/BOT | CETIC, Trung Quốc |
| Dự án đang xây dựng và đã cam kết | | | | | |
| 1 | Stung Atay | 120/465 | 300 | 2013/BOT | Tập đoàn Vân Nam Trung Quốc |
| 2 | Hạ St.Russeil Chhrum | 235/805 | 495.7 | 2013/BOT | Tập đoàn Michelle Trung Quốc |
| 3 | Stung Tatay | 80/250 | 215 | 2013/BOT | Tập đoàn máy hạng nặng Trung Quốc |
| 4 | Hạ Sesan II | 420/2220 | 611 | 2016/BOT | Tr.Quốc, Vietnam & Cambodia |
| 5 | Stung Chay Areng | 300/1,475 | 732 | 2017/BOT | Mạng lưới điện Hoa Nam |

Danh sách các dự án thủy điện đã ký MOU thực hiện Ng/cứu tiền khả thi và khả thi

| No. | Tên dự án | Công suất lắp (MW)/Điện lượng (GWh) | Kinh phí dự kiến (10 ⁶ US\$) | Tình trạng dự án và Công ty |
|---|--------------------------|-------------------------------------|---|---|
| Các dự án đã ký MOU thực hiện Nghiên cứu Tiền khả thi và Khả thi | | | | |
| 1 | Battambang II | 36/187 | 65 | Công ty KTC, Hàn Quốc đang nghiên cứu tiền khả thi |
| 2 | Battambang I | 24/120 | 49 | |
| 3 | Trung St.Russei Chhrum | 125/668 | 275 | Công ty KTC, Hàn Quốc đang nghiên cứu tiền khả thi |
| 4 | Thượng St. Russei Chhrum | 32/221 | 65 | |
| 5 | Hạ Sre Pok III | 330/1754 | 596 | Công ty Công nghiệp đồng Vân Nam đang nghiên cứu tiền khả thi |
| 6 | Hạ Sre Pok IV | 235/1233 | 425 | |
| 7 | Prek Liang I | 64/ 300 | N/A | Công ty KTC, Hàn Quốc đang nghiên cứu tiền khả thi |
| 8 | Prek Liang II | 64/310 | N/A | |
| 9 | Hạ Sesan III | 180/?? | N/A | Tập đoàn EVN Vietnam đang nghiên cứu tiền khả thi |
| 10 | Hạ Se San I | 90/480 | 164 | |
| 11 | Sambor | 467/2,800 or 3,300/14,870 | 700 or 3,940 | Công ty Lưới điện Hoa Nam Trung quốc đã ký MOU nghiên cứu Tiền khả thi và khả thi 11 |

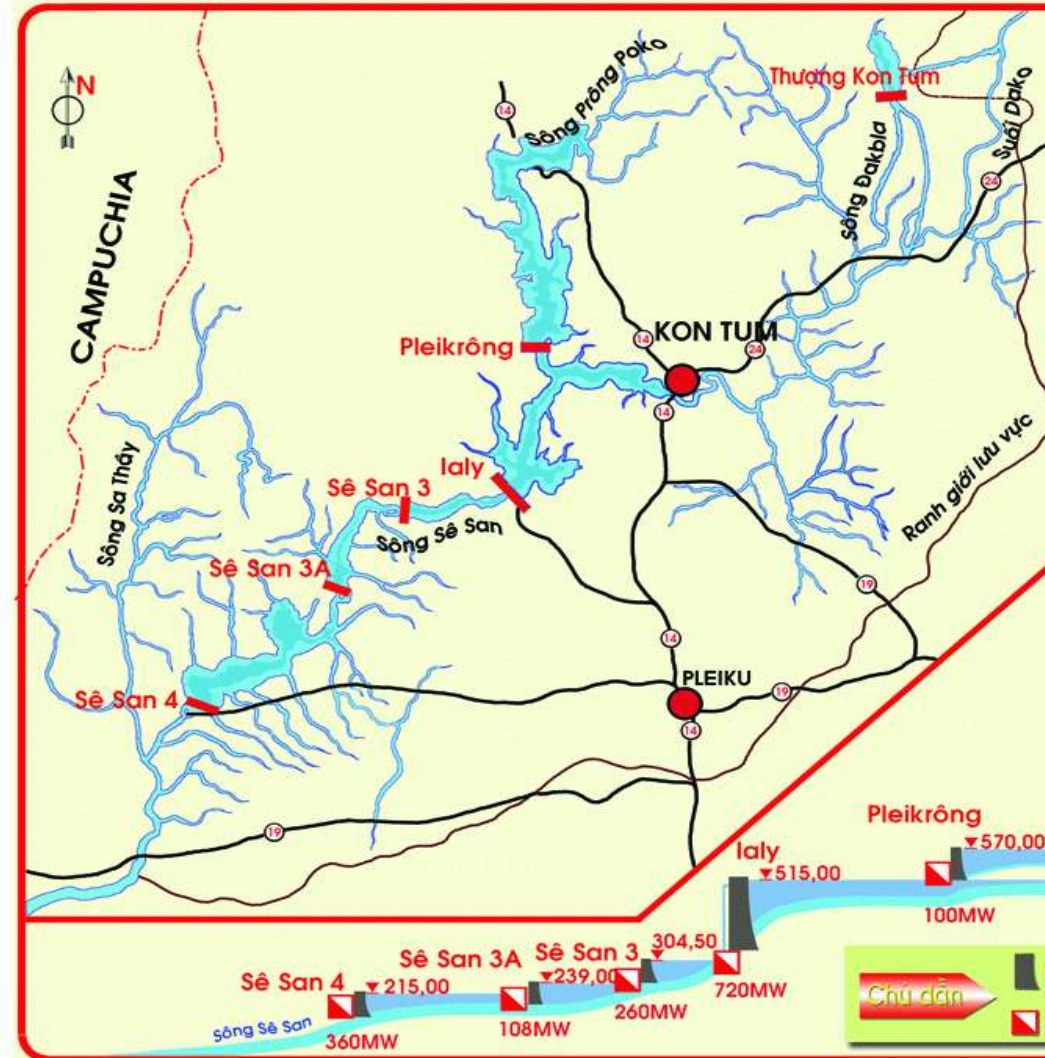
Các đập thủy điện hạ lưu sông Sê San, Srepok thuộc Campuchia



Đập thủy điện trên thượng lưu sông Sê San và Srepok thuộc Việt Nam

| Tên công trình | Sông | $N_{\text{lắp máy}}$ (MW) | Diện tích lưu vực (km^2) | W_{ho} ($10^6 \cdot \text{m}^3$) | W_{hi} ($10^6 \cdot \text{m}^3$) | Năm vận hành |
|-------------------|-------------------|------------------------------|--|--|--|--------------|
| Thượng Kontum | Đăk-bla/Sê San | 220 | 350 | 173,7 | 122,7 | Dự kiến |
| Plei Krong | Krông Pôcô/Sê San | 100 | 3.216 | 1.048,7 | 948 | 2007 |
| Iali | Sê San | 720 | | 1.037 | 779 | 2000 |
| Se San 3 | Sê San | 260 | 7.788 | 92,0 | 3,89 | 2006 |
| Se San 3A | Sê San | 108 | 8.084 | 80,6 | 4 | 2007 |
| Se San 4 | Sê San | 360 | 9.326 | 893,3 | 264,16 | 2010 |
| Sê San 4A | Sê San | 63 | 9.368 | 13,1 | 7,50 | 2011 |
| Duc Xuyen | Srepok | 49 | 1.100 | 1.088,0 | 413,42 | 2015 |
| Buon Tua Srah | Srepok | 86 | 2.930 | 786,9 | 482,6 | 2008 |
| Buon Kuop | Srepok | 280 | 7.980 | 36,8 | 14,98 | 2008 |
| Dray H'linh (cũ) | Srepok | 12 | 8.880 | 3,0 | 1,40 | 1991 |
| Dray H'linh (mới) | Srepok | 16 | 8.880 | 3,0 | 1,40 | 2008 |
| Sre Pok 3 | Srepok | 220 | 9.410 | 222,7 | 75,38 | 2010 |
| Sre Pok 4 | Srepok | 40 | 10.700 | 128,8 | 25,24 | 2010 |

Sơ họa vị trí các bậc thang thủy điện của Việt Nam trên sông Sê San



CÔNG TY THỦY ĐIỆN IALY
SƠ ĐỒ
HỆ THỐNG BẬC THANG CÁC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN
TRÊN SÔNG SÊ SAN

| TT | Công trình thủy điện | Công suất (MW) | Sản lượng điện/năm (triệu kWh) | Mức nước thường lưu (m) | | Mức nước hạ lưu (đồng với lưu lượng thiết kế) (m) | Dung tích hồ chứa (triệu m ³) | |
|-----------|----------------------|----------------|--------------------------------|---------------------------|---------------|---|---|-------------------|
| | | | | Mức nước dâng bình thường | Mức nước chết | | Dung tích tiêu thụ (đồng với MNDBT) | Dung tích hữu ích |
| 1 | Thượng Kon Tum | 250 | 994,5 | 1170,0 | 1146,0 | 290,0 | 173,7 | 122,7 |
| 2 | Pleikrông | 100 | 417,2 | 570,0 | 537,0 | 514,0 | 1048,7 | 948,0 |
| 3 | Ialy | 720 | 3680,0 | 515,0 | 490,0 | 305,6 | 1037,0 | 779,0 |
| 4 | Sê San 3 | 260 | 1124,6 | 304,5 | 303,3 | 241,8 | 92,0 | 3,8 |
| 5 | Sê San 3A | 108 | 479,3 | 239,0 | 238,5 | 216,0 | 80,6 | 4,0 |
| 6 | Sê San 4 | 360 | 1402 | 215,0 | 210,0 | 153,0 | 893,3 | 264,0 |
| Tổng cộng | | 1796 | 8197,6 | | | | | |



Các đập thủy điện dự kiến trên dòng chính Mê Công (phần hạ lưu)



Các dự án thủy điện dự kiến trên dòng chính Mê Công

| STT | Tên công trình | Flưu vực (km ²) | F hồ chứa (km ²) | MNDBT (m) | MNC (m) | Whi (10 ⁶ .m ³) | N ^{lắp máy} (MW) |
|-----|----------------|-----------------------------|------------------------------|-----------|---------|--|---------------------------|
| 1 | Pak Beng | 218.000 | 110 | 345 | 340 | 442,4 | 1.230 |
| 2 | Luang Prabang | 230.000 | 110 | 320 | 310 | 936,7 | 1.410 |
| 3 | Sayaboury | 272.000 | 30 | 275 | 270 | 224,7 | 1.260 |
| 4 | Pak Lay | 283.000 | 110 | 240 | 235 | 383,5 | 1.320 |
| 5 | Sanakham | 304.220 | 122 | 215 | 210 | 106,1 | 1.200 |
| 6 | Pakchom | 279.000 | 90 | 192 | 190 | 11,8 | 1.079 |
| 7 | Ban Koum | 419.000 | 130 | 115 | 115 | 0 | 1.872 |
| 8 | DonSahong | 540.000 | | 74,5 | 72 | 115 | 360 |
| 9 | Stung Treng | 555.900 | 640 | 55 | 50 | 150.78 | 900 |
| 10 | Sambor | 646.000 | 880 | 40 | 38 | 2.000 | 2.600 |

Việt Nam tham gia trong phát triển thủy điện trong lưu vực sông Mê Công:

Trong khuôn khổ Ủy hội sông Mê Công:

- Thực hiện Sáng kiến Phát triển Thủy điện bền vững
- Thực hiện các Thủ tục Sử dụng nước liên quan tới thủy điện

Trong hợp tác song phương:

- Với Lào: các dự án trên sông Sê Kông (Xê Kamản...), trên dòng chính (Luang Prabang)
- Với Campuchia: các dự án trên sông Sê San, Srepok

Các doanh nghiệp tham gia phát triển thủy điện trong lưu vực Mê Công ở Lào và Campuchia:

- Công ty cổ phần điện quốc tế - EVNI (Tập đoàn Điện lực Việt Nam):

Dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia): CS 148 MW,

Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (Lào): CS 72 MW,

Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: CS 96 MW

Dự án thủy điện Hạ Sê San 2: CS 420 MW

- **Tổng công ty Điện lực Dầu khí (Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam):**

Dự án trực tiếp đầu tư gồm *thủy điện Luang Prabang* (1.100 MW) (dự kiến góp 55,4% vốn)

Tham gia góp vốn (21%) vào Công ty cổ phần điện Việt-Lào

- Công ty cổ phần điện Việt-Lào (Tổng Công ty sông Đà):

- Dự án Xe Kaman 3 (Lào), công suất 250 MW
- Dự án Xe Kaman 1 (Lào): gồm 02 bậc là Xe Kaman 1 (290 MW) và Xe Kaman-Xanxay (32 MW)
- Dự án Xe Kaman 4 (80 MW)
- Dự án Sê Kông 3 (Lào) (250 MW)
- Dự án Xebanghieng 1 (50 MW)
- Dự án Xebanghieng 2 (52 MW)
- Dự án Dak e Meule trên s. Sê Kông (130 MW) Ch.phủ Lào 25% vốn
- Dự án Nậm Mô 1 (Lào) (60-80 MW), VLEC góp 15% vốn



Ngoài ra còn có một số công ty cổ phần khác như:

- Cty Cổ phần Khai khoáng Hoàng Anh Gia Lai (dự án Nam Kong 3 tại Attapeu, Lào: CS 45 MW, đã ký MOU ngày 31/8/2009 và b/c khả thi đã thông qua)
- Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Linh Linh JFC (dự án Nam Ma 1, 2, 3 tại Houaphan, Lào: CS 149 MW; đã ký MOU ngày 30/12/2008, đang làm b/c khả thi)
- Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (dự án Nậm Ngừm 4 tại Xiengkhouang, Lào: CS 220 MW; đã ký MOU ngày 30/3/2008, đang làm b/c khả thi)

Các ảnh hưởng từ việc Việt Nam tham gia trong phát triển thủy điện lưu vực sông Mê Công:

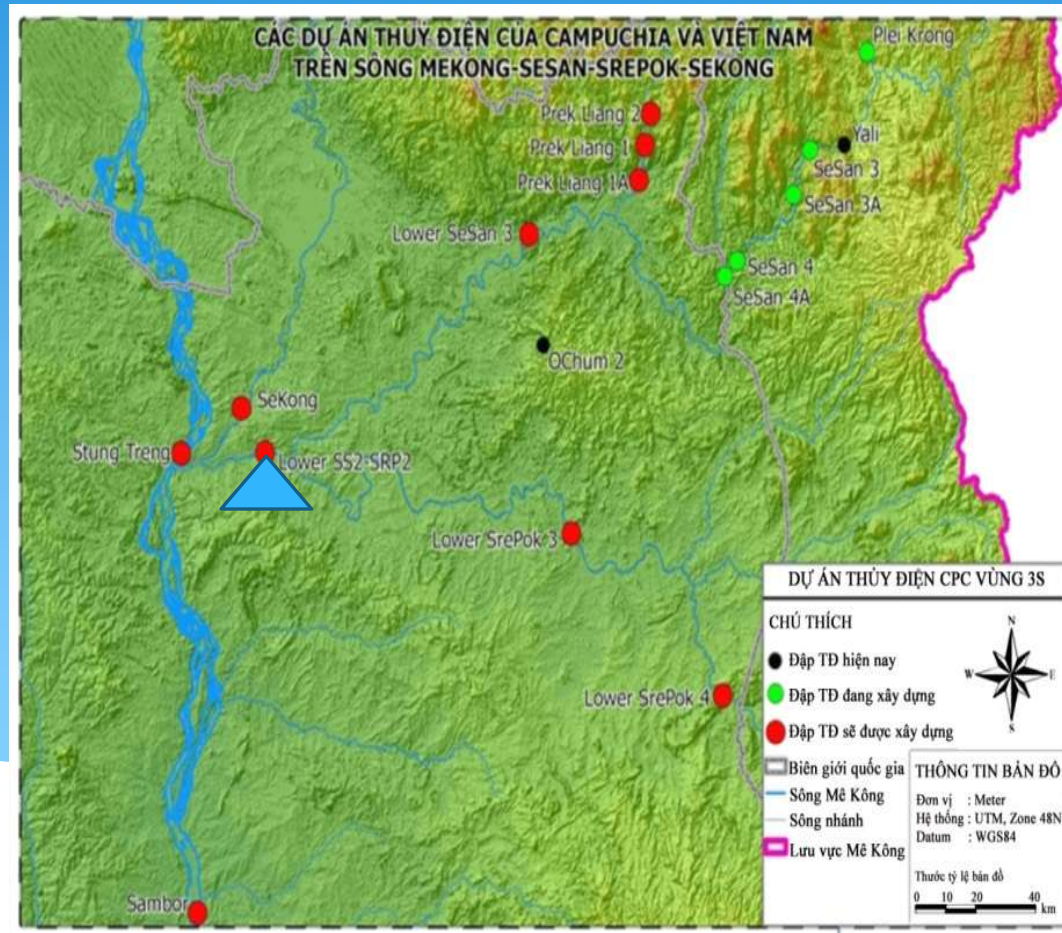
Mặt tích cực:

- Tăng cường hợp tác quốc tế, ảnh hưởng chính trị
- Tăng nguồn cấp điện qua việc mua điện từ các dự án ta tham gia (2010: 1.000 MW, 2020: 2.325 MW, 2030: 7.193,2 MW)
- Tạo nguồn công việc cho các Tập đoàn, Công ty trong đầu tư cạnh tranh lành mạnh,

Mặt tiêu cực:

- Các tác động đối với môi trường, sinh thái
- Các tác động xã hội do việc tham vấn cộng đồng chưa kịp thời và thiếu đáo, ĐTM còn phiến diện, chưa hoàn toàn tuân thủ quy định (nhất là các dự án ở Lào)
- Quan hệ quốc tế bị ảnh hưởng, VD: "sự cố" xả nước dự án Ialy, bất đồng trong tham vấn dự án Sayaboury,
- Các tác động bất lợi về số và chất lượng nước đối với đồng bằng sông Cửu Long

Dự án Hạ Sê San 2



Các thông số chính

| Thông số | Đơn vị | Hạ Sê San 2 |
|---|--------------------------------|----------------------------|
| Vị trí | | Dưới hợp lưu Sê San/Srepok |
| Diện tích lưu vực | Km ² | 49.200 |
| Diện tích mặt hồ tại mức nước +75 m | km ² | 334,38 |
| Mức nước dâng bình thường | m | + 75 |
| Mức nước chết | m | + 74 |
| Dung tích có ích | 10 ⁶ m ³ | 333,2 |
| Dung tích toàn bộ | 10 ⁶ m ³ | 1.792,5 |
| Công suất lắp máy | MW | 400 |
| Công suất đảm bảo | MW | 107 |
| Số tổ máy | Máy | 5 |
| Sản lượng điện trung bình năm | GWh | 1.998,4 |
| - Cao trình ngưỡng | + m | 59 |
| - Số cửa van | | 12 |
| Tổng dự toán (cả đường dây, chưa kể thuế) (Tỷ giá 20.895 đ/US\$) | 10 ⁶ US\$ | 734.329 |

Quá trình:

- Theo MOU ký giữa EVN và MIME (15/6/2007)
- Theo biên bản thỏa thuận Hội nghị lần thứ 9 UB KT-VH-KHCN (PNP, 21/8/2007): VN đầu tư XD 2 dự án Hạ Sê San 1 (SS 5) và Hạ Sê San 2.
- 3 g/đ: chuẩn bị (2008-2009), thi công (2010-2014), vận hành (từ 2015)

Thực hiện:

- Lập Cty Cổ phần VN-CPC (nay là EVNI)
- PECC1 khảo sát (10/2007 – 3/2008), lập b/c tiền KT (5/2008); b/c KT (1/2008-7/2008), b/c ĐTM do KCC lập (10/2008) và đã b/c MIME (26/11/2008)
- PECC1 hoàn thành th/kế kỹ thuật, được EVNI phê duyệt, các cơ quan CPC thỏa thuận tháng 12/2009.

Góp vốn:

- Các cổ đông Việt Nam của EVNI chậm góp vốn
- EVNI có kế hoạch huy động vốn vay từ các ngân hàng Malaysia, Hàn Quốc, Séc
- Hiện nay CPC mời Trung Quốc tham gia, EVNI chỉ là một cổ đông (không còn vai trò chi phối)

Sử dụng năng lượng:

- CPC muốn giữ lại 100 % điện để sử dụng !!!

Sự tham gia của các bên liên quan:

- Có một số lần KCC gặp người dân, chính quyền và các cơ quan địa phương trong quá trình ĐTM
- Lãnh đạo tỉnh Stung Treng cũng gặp người dân thuyết phục về dự án

Vai trò của các NGO, CS:

- Nhiều NGO, SC hoạt động tích cực

Vai trò của Chính phủ CPC:

Trong quyết định đối tác đầu tư

Trong việc bán/sử dụng điện năng

Tác động của dự án:

- **Tác động tiêu cực:** tới hệ sinh thái/môi trường, tới cá di cư, sinh kế của người dân có nhà và đất bị ngập, tới hệ thống giao thông đường bộ
- **Tác động tích cực:** khai thác nguồn thủy năng cấp điện cho địa phương và xuất khẩu (nay CPC sử dụng hết để phát triển kinh tế xã hội)
- **Tác động khác:** Nếu Trung Quốc là cổ đông chi phối, quan hệ hợp tác với CPC có thể bị tác động

Kết luận v/v Việt Nam tham gia trong phát triển thủy điện trong lưu vực sông Mê Công:

Các tác động tích cực:

- ✓ Khai thác nguồn thủy năng trong lưu vực sông Mê Công (trong và ngoài VN) góp phần tăng nguồn năng lượng cho sự phát triển KTXH
- ✓ Đầu tư ra nước ngoài tạo công việc cho các Tập đoàn, Công ty
- ✓ Tăng cường quan hệ với Lào và Campuchia
- ✓ Biết được các kế hoạch phát triển của Lào và Campuchia để đánh giá các tác động tới đbsCL
- ✓ Thay đổi chính sách trong đầu tư phát triển thủy điện ra nước ngoài

Các khía cạnh tiêu cực:

- ✓ Khai thác thủy điện tại 3S gây ảnh hưởng tới hệ sinh thái môi trường tại chỗ và gây tác động tiềm tàng tới đbsCL (di cư của cá, phù sa)
- ✓ Thực hiện ĐTM vẫn còn nhiều khiếm khuyết
- ✓ Tham gia đầu tư phát triển thủy điện dòng chính có thể là lợi bất cập hại, rơi vào hoàn cảnh “há miệng mắc quai”, đặc biệt là sự tuân thủ Hiệp định Mê Công
- ✓ Vai trò điều hành, điều phối các nhà đầu tư trong nước
- ✓ Tác động trong quan hệ với các nước liên quan

Xin cảm ơn

Các khía cạnh khác:

- ✓ **Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan (bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường...) của VN và của các quốc gia liên quan, và của MRC.**
- ✓ **Tính minh bạch, công khai trong phát triển**
- ✓ **Sự tham gia đầy đủ và kịp thời của công chúng**
- ✓ **Vai trò của các NGO, CS**